

Số: /KH-MNATT

Tân Thanh, ngày tháng 10 năm 2025

KẾ HOẠCH

Thực hiện nhiệm vụ Công nghệ thông tin, Chuyển đổi số Năm học: 2025-2026

Thực hiện Công văn số 1092/SGDDĐT-CTHSSV ngày 09 tháng 10 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ CNTT, CDS năm học 2025-2026;

Thực hiện Công văn số 535/UBND-VHXH ngày 03 tháng 11 năm 2025 V/v thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số năm học 2025-2026 trên địa bàn xã Tân Thanh.

Trường mầm non A Tân Thanh xây dựng Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), chuyển đổi số (CDS) năm học 2025-2026, cụ thể như sau:

I. NHIỆM VỤ CHUNG

1. Thường xuyên cập nhật, nghiên cứu, tham mưu, triển khai đầy đủ các nhiệm vụ về CNTT, CDS theo các văn bản hướng dẫn của Sở GDĐT và của Phòng VHXH xã Tân Thanh. Triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp về chuyển đổi số trong giáo dục mầm non theo định hướng của Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình, đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.

2. Đảm bảo về cơ sở vật chất, hạ tầng số, trang thiết bị, đường truyền để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ ứng dụng CNTT, CDS trong quản trị, tổ chức dạy, học, kiểm tra, đánh giá tại nhà trường. Nâng cao năng lực số cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, góp phần nâng cao chất lượng quản lý, điều hành và chăm sóc – giáo dục trẻ trong nhà trường. Duy trì, khai thác hiệu quả hạ tầng công nghệ thông tin hiện có, đảm bảo hệ thống mạng Internet, thiết bị công nghệ, phần mềm quản lý (EMIS, CSDL ngành, hồ sơ điện tử...) hoạt động ổn định, an toàn, bảo mật.

3. Xây dựng môi trường làm việc điện tử, từng bước giảm dần việc sử dụng văn bản giấy; đẩy mạnh sử dụng chữ ký số, phần mềm quản lý văn bản, phần mềm họp trực tuyến, hệ thống thông tin báo cáo của ngành. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, như: thiết kế bài giảng điện tử, video tuyên truyền cho cha mẹ học sinh, khai thác học liệu số, phần mềm tương tác học tập phù hợp độ tuổi mầm non, tích hợp công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI). Phát triển kho học liệu điện tử, thư viện số phục vụ giáo viên và học sinh, khuyến khích chia sẻ tài nguyên học tập trong

nội bộ nhà trường và với các đơn vị bạn.

3. Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và cha mẹ học sinh; xây dựng văn hóa số trong môi trường giáo dục mầm non. Đảm bảo an toàn thông tin và an ninh mạng; quản lý, sử dụng mạng xã hội, website, fanpage của trường đúng quy định, góp phần xây dựng hình ảnh nhà trường hiện đại, thân thiện.

4. Đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, thanh toán không dùng tiền mặt.

5. Triển khai ứng dụng AI có trách nhiệm trong hoạt động dạy, học, quản lý giáo dục; thường xuyên nâng cao năng lực số cho người học, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và đảm bảo an toàn môi trường học tập số.

II. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Chuyển đổi số trong dạy học và kiểm tra, đánh giá

Triển khai ứng dụng AI có trách nhiệm, có lộ trình phù hợp cấp học mầm non với quan điểm lấy người học làm trung tâm, đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục là lực lượng tiên phong; đội ngũ nhà giáo phải thường xuyên cập nhật, đổi mới phương pháp dạy, học, kiểm tra, đánh giá để thích ứng với bối cảnh chuyển đổi AI trong giáo dục.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm, học liệu số trong tổ chức các hoạt động chăm sóc – giáo dục trẻ theo hướng linh hoạt, sáng tạo, lấy trẻ làm trung tâm.

Khuyến khích giáo viên xây dựng bài giảng điện tử, video dạy học, học liệu số; chia sẻ trên kho học liệu số của trường và xã.

Ứng dụng các công cụ số (PowerPoint, Canva, Wordwall, Azota, ...) để tạo hứng thú cho trẻ trong các hoạt động học.

Triển khai đánh giá, theo dõi sự phát triển của trẻ bằng hình thức điện tử: sổ theo dõi trẻ, báo cáo định kỳ, nhận xét trực tuyến qua phần mềm quản lý.

Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn cha mẹ học sinh sử dụng ứng dụng, trang thông tin điện tử của nhà trường để cập nhật tình hình học tập, sức khỏe, dinh dưỡng của trẻ.

2. Chuyển đổi số trong quản lý nhà nước về giáo dục, quản trị nhà trường và xây dựng cơ sở dữ liệu về giáo dục

Nhà trường triển khai ứng dụng quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ đảm bảo 100% người học, nhà giáo được định danh thống nhất và quản lý bằng hồ sơ số, 80% cơ sở vật chất, thiết bị và các nguồn lực khác được quản lý bằng hồ sơ số, đảm bảo các yêu cầu nghiệp vụ, kết nối thông suốt với cơ sở dữ liệu ngành giáo dục; từng bước ứng dụng AI phân tích dữ liệu, hỗ trợ công tác quản trị nhà trường. Thực hiện quản lý, điều hành, trao đổi văn bản, báo cáo,

hồ sơ công việc trên Hệ thống quản lý văn bản điện tử, cổng thông tin nội bộ, thư điện tử công vụ, Hệ thống thông tin báo cáo ngành Giáo dục.

Áp dụng chữ ký số trong phát hành, lưu trữ văn bản điện tử, hồ sơ công vụ theo quy định của Nghị định 30/2020/NĐ-CP và hướng dẫn của Sở GD&ĐT Ninh Bình.

Hoàn thiện, tăng cường kiểm soát chất lượng cơ sở dữ liệu ngành giáo dục theo Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo, trong đó tập trung triển khai một số nhiệm vụ như sau:

+ Tiếp tục hoàn thiện cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia đảm bảo “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”; từng bước tích hợp AI trong hệ thống thông tin quản lý điều hành, phân tích dữ liệu.

+ Tổ chức cập nhật dữ liệu trên các hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu ngành giáo dục đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời theo yêu cầu của Sở GDĐT, Bộ GDĐT.

+ Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo thống kê giáo dục định kỳ đối với giáo dục mầm non cấp trường (kỳ đầu năm học và kỳ cuối năm học) đúng thời hạn, đầy đủ, chính xác nội dung theo quy định về chế độ báo cáo thống kê ngành Giáo dục và báo cáo đột xuất theo yêu cầu; tăng cường ứng dụng công cụ phân tích dữ liệu thông minh để hỗ trợ quản lý, đánh giá và dự báo xu hướng giáo dục, tự động hóa quy trình báo cáo thống kê, giảm thiểu thao tác thủ công và tăng cường tính kịp thời của dữ liệu.

Thực hiện quản lý nhà trường theo hướng chuyển đổi số toàn diện, áp dụng phần mềm quản lý tổng thể (quản lý hồ sơ cán bộ, giáo viên, học sinh; tài sản; thiết bị; tài chính; y tế học đường...).

Tăng cường sử dụng hệ thống sổ điện tử, hồ sơ điện tử, từng bước thay thế hồ sơ giấy.

Quản lý và cập nhật thông tin của trường trên Cổng thông tin điện tử, fanpage, Google Maps, đảm bảo chính xác, minh bạch.

Tổ chức họp trực tuyến, sinh hoạt chuyên môn trực tuyến khi cần thiết; sử dụng các công cụ số để phối hợp giữa nhà trường – giáo viên – phụ huynh.

Đảm bảo công tác bảo mật, an toàn thông tin trong toàn bộ hoạt động quản trị số.

Cập nhật đầy đủ dữ liệu của cán bộ, giáo viên, nhân viên và trẻ mầm non vào Hệ thống CSDL ngành Giáo dục và Đào tạo, CSDL trẻ mầm non.

Thực hiện lưu trữ, bảo mật, sao lưu dữ liệu định kỳ theo quy định; đảm bảo an toàn dữ liệu, bảo vệ thông tin cá nhân của trẻ và phụ huynh.

Khuyến khích giáo viên khai thác dữ liệu phục vụ công tác chuyên môn,

thống kê, nghiên cứu, nâng cao chất lượng giáo dục.

3. Triển khai dịch vụ công trực tuyến và thanh toán không dùng tiền mặt

Phối hợp với phụ huynh triển khai thanh toán không dùng tiền mặt (qua tài khoản ngân hàng, ví điện tử, mã QR, cổng thanh toán của ngành giáo dục) trong các khoản thu tiền ăn, đóng góp tự nguyện...

Tuyên truyền, hướng dẫn phụ huynh sử dụng các kênh thanh toán trực tuyến, đảm bảo an toàn, minh bạch, thuận tiện, đúng quy định tài chính.

Cập nhật, báo cáo định kỳ kết quả thực hiện dịch vụ công trực tuyến và thanh toán không dùng tiền mặt lên các cấp kịp thời.

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CƠ BẢN

1. Kiện toàn tổ chức, bộ phận phụ trách CNTT, CDS và công tác thống kê giáo dục

- Phân công lãnh đạo cơ sở giáo dục phụ trách và viên chức công nghệ thông tin hoặc giáo viên kiêm nhiệm làm đầu mối triển khai nhiệm vụ CNTT, CDS và công tác thống kê giáo dục: Phân công đồng chí Lại Thị Hương - Phó hiệu trưởng phụ trách.

2. Triển khai nhiệm vụ CNTT, CDS theo Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số trong Sở GDĐT, các cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục mầm non theo các văn bản hướng dẫn của Sở GDĐT, đảm bảo đạt mức độ chuyển đổi số tối thiểu ở mức độ 2.

3. Tăng cường công tác thể chế:

Nhà trường rà soát, xây dựng, hoàn thiện và ban hành các văn bản về chuyển đổi số theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan quản lý cấp trên, các quy chế quản lý, vận hành và khai thác sử dụng các hệ thống công nghệ thông tin; phân công cụ thể trách nhiệm về quản lý và khai thác sử dụng dữ liệu theo quy định; đảm bảo tuân thủ các quy định nhà nước về bảo vệ dữ liệu cá nhân, quy định về sở hữu dữ liệu và các quy định pháp luật khác đối với các hệ thống công nghệ thông tin đang triển khai tại đơn vị như: các hệ thống mạng; các phòng học và trang thiết bị về CNTT; phần mềm dạy học trực tuyến; phần mềm quản lý, quản trị nhà trường; hệ thống cơ sở dữ liệu, cổng thông tin điện tử; hệ thống quản lý văn bản điều hành...; ban hành các hướng dẫn, quy chế sử dụng AI có đạo đức, trách nhiệm, bảo đảm quyền riêng tư trong hoạt động giáo dục (*một số văn bản tại Phụ lục kèm theo công văn này*).

4. Đảm bảo nguồn lực, hạ tầng kỹ thuật và an toàn thông tin

- Đối chiếu với các quy định về mức độ chuyển đổi số của nhà trường, nhà trường kiểm tra, rà soát, đánh giá hiện trạng, tham mưu, đề xuất các cấp chính quyền bố trí đủ nguồn lực bổ sung, duy trì về các điều kiện hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị CNTT, các hệ thống thông tin, phần mềm, nhân lực, kinh phí... để triển khai hiệu quả công tác CNTT, CDS phục vụ công tác quản lý điều

hành và tổ chức dạy, học tại đơn vị.

- Rà soát công tác bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống và triển khai áp dụng các biện pháp kỹ thuật cần thiết đối với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, phần mềm thuộc phạm vi quản lý, sử dụng; thường xuyên cập nhật, kiểm tra, bảo trì, nâng cấp hệ thống nhằm kịp thời phát hiện và khắc phục các lỗ hổng về kỹ thuật, tránh nguy cơ không bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống dẫn tới lộ, mất dữ liệu cá nhân.

- Đối với việc quản lý, khai thác sử dụng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, phần mềm trong đơn vị: Quy định rõ trách nhiệm về bảo vệ tài khoản, an toàn thông tin mạng, quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân; đặc biệt quan tâm tới quản lý tài khoản truy cập: không dùng chung tài khoản, đặt mật khẩu có độ phức tạp cần thiết, thường xuyên phải thay đổi mật khẩu sử dụng.

- Đối với việc quản lý, sử dụng máy tính và các trang thiết bị CNTT khác cài đặt các phần mềm có bản quyền, cài đặt và thường xuyên cập nhật phiên bản mới nhất, thường xuyên sử dụng phần mềm diệt virus để kiểm tra máy tính, cảnh giác và kiểm tra các tệp tin, các đường link gửi qua thư điện tử, từ tài khoản mạng không rõ nguồn gốc và tải trên mạng về trước khi kích hoạt, sử dụng; tắt chế độ tự động mở, chạy các tệp tin đính kèm theo thư điện tử, bật các tính năng của thiết bị tường lửa, thường xuyên sao lưu các dữ liệu cần thiết và các biện pháp kỹ thuật khác.

5. Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số trong giáo dục

- Trang thông tin điện tử của nhà trường có chuyên trang, chuyên mục và duy trì cập nhật thường xuyên tin, bài tuyên truyền, phổ biến về “*Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, Đề án 06*”.

- Thường xuyên truy cập địa chỉ <https://ninhbinh.edu.vn/chuyendoiso> để cập nhật và phổ biến, quán triệt các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn liên quan tổ chức thực hiện nhiệm vụ CNTT, CDS và công tác thống kê giáo dục.

- Tiếp tục triển khai công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý giáo dục, đội ngũ nhà giáo, nhân viên, người học về vai trò, vị trí của ứng dụng CNTT, CDS trong các hoạt động giáo dục; phổ biến và tuyên truyền về ý thức bảo vệ dữ liệu cá nhân, kỹ năng sử dụng thiết bị số và tham gia môi trường số an toàn; trang bị các phần mềm ứng dụng, phần mềm phòng chống virus có bản quyền.

- Tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực số, năng lực AI cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý GD, người học; ưu tiên các nội dung gắn với thực tế công việc như kỹ năng ứng dụng CNTT trong quản lý nhà nước, quản trị nhà trường, dạy học, xây dựng học liệu số, ứng dụng AI tổ chức hoạt động GD.

- Triển khai hiệu quả Phong trào thi đua “Cả nước thi đua đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số” và Phong trào “Bình dân học vụ số” của ngành Giáo dục,

của tỉnh;

- Triển khai các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số Quốc gia vào ngày 10 tháng 10 với chủ đề “*Chuyển đổi số toàn dân, toàn diện, toàn trình để tăng tốc, bứt phá phát triển kinh tế số*”, tiếp tục phát huy tinh thần hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2025 là “*Chuyển đổi số: nhanh hơn, hiệu quả hơn, gần dân hơn*”. Triển khai Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời năm 2025 nhằm tiếp tục đẩy mạnh phong trào học tập sâu rộng trong cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên, nhân viên, học sinh và các tầng lớp nhân dân, truyền tải thông điệp “*Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số vào học tập thường xuyên, học tập suốt đời, tiến tới phổ cập kỹ năng số, kỹ năng bảo đảm an toàn, an ninh mạng đạt trình độ cơ bản cho người dân*”. Thời gian thực hiện từ ngày 06/10 đến ngày 10/10/2025.

- Tham gia các cuộc thi, hội thi về CNTT, CDS do Sở GDĐT tổ chức, phát động như: Cuộc thi Thiết kế học liệu số, sản phẩm truyền thông về các di sản văn hóa của địa phương dành cho học sinh, sinh viên; Hội thi cán bộ quản lý, GV, nhân viên giỏi về Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số ngành giáo dục...

6. Xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, công tác thống kê trong giáo dục và đánh giá mức độ chuyển đổi số.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban lãnh đạo nhà trường

Nhà trường phân công lãnh đạo cơ sở giáo dục phụ trách và viên chức công nghệ thông tin hoặc giáo viên kiêm nhiệm làm đầu mối triển khai nhiệm vụ CNTT, CDS và công tác thống kê giáo dục.

Xây dựng kế hoạch và triển khai các nhiệm vụ về CNTT, CDS và thống kê giáo dục năm học 2025-2026 tại đơn vị. Ưu tiên bố trí các nguồn lực cho việc ứng dụng CNTT và CDS và thống kê giáo dục của đơn vị.

Chịu trách nhiệm chỉ đạo, điều hành toàn diện các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong năm học.

Phân công nhiệm vụ rõ ràng cho từng bộ phận, cá nhân phụ trách.

Kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm và đúng quy định.

2. PHT phụ trách CNTT của nhà trường

Tham mưu cho Ban lãnh đạo trong việc triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số, cập nhật cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, quản lý hồ sơ điện tử và vận hành các phần mềm quản lý nhà trường.

Hỗ trợ giáo viên trong việc sử dụng các thiết bị công nghệ, phần mềm dạy học trực tuyến, kiểm tra đánh giá số hóa, thanh toán không dùng tiền mặt...

Tham mưu tổ chức hoặc trực tiếp tham gia tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng

số, kỹ năng sử dụng phần mềm cho đội ngũ cán bộ, giáo viên.

Giúp giáo viên khắc phục kịp thời các sự cố kỹ thuật trong quá trình dạy học và sử dụng thiết bị CNTT.

Phối hợp với các tổ chuyên môn, giáo viên chủ nhiệm cập nhật đầy đủ, chính xác dữ liệu trẻ, cán bộ, giáo viên, nhân viên vào hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục. Đảm bảo việc khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu đúng quy định, phục vụ tốt cho công tác quản lý, báo cáo, thống kê của nhà trường.

Tuyên truyền, hướng dẫn cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện các quy định về bảo mật thông tin, an toàn dữ liệu và sử dụng mạng Internet an toàn, hiệu quả. Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, cập nhật phần mềm, đảm bảo an toàn thông tin và an ninh mạng.

Định kỳ và đột xuất báo cáo kết quả thực hiện công tác công nghệ thông tin, chuyển đổi số về Lãnh đạo nhà trường.

3. Giáo viên, nhân viên

Chủ động nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, giáo dục trẻ và trong công tác hành chính, quản lý lớp học.

Thực hiện nghiêm túc việc sử dụng các phần mềm quản lý, cơ sở dữ liệu ngành (cập nhật thông tin trẻ, kết quả giáo dục, hồ sơ điện tử).

Tích cực tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng chuyển đổi số, ứng dụng các công cụ số trong giảng dạy và đánh giá.

Cán bộ phụ trách cơ sở vật chất – thiết bị

Đảm bảo hạ tầng công nghệ thông tin của nhà trường hoạt động ổn định, hiệu quả (mạng internet, máy tính, máy chiếu, camera, phần mềm quản lý, hệ thống bảo mật...).

Phối hợp với tổ CNTT kiểm tra, bảo dưỡng, đề xuất mua sắm, thay thế thiết bị kịp thời.

4. Phối hợp với phụ huynh và cộng đồng

Tăng cường tuyên truyền về chuyển đổi số trong giáo dục mầm non, hướng dẫn phụ huynh sử dụng các ứng dụng trực tuyến (công thông tin, thanh toán học phí điện tử, trao đổi thông tin giáo dục trẻ...).

Khuyến khích xã hội hóa, huy động nguồn lực hỗ trợ trang thiết bị CNTT cho nhà trường.

5. Chế độ báo cáo và kiểm tra, đánh giá

- Báo cáo kết quả triển khai nhiệm vụ ứng dụng CNTT, CDS, thống kê giáo dục năm học 2025-2026 và báo cáo kết quả tự đánh giá cùng thông tin, minh chứng phục vụ việc đánh giá mức độ chuyển đổi số của đơn vị về cơ quan quản lý trực tiếp.

6. Chế độ báo cáo

Các tổ chuyên môn, bộ phận liên quan định kỳ báo cáo tiến độ triển khai nhiệm vụ CNTT và chuyển đổi số cho Ban lãnh đạo theo tháng, học kỳ và năm học.

Cuối năm học, tổ chức đánh giá kết quả thực hiện, rút kinh nghiệm, đề

xuất giải pháp nâng cao chất lượng chuyển đổi số cho năm học tiếp theo.

Nhà trường báo cáo kết quả triển khai nhiệm vụ ứng dụng CNTT, CDS và thống kê giáo dục năm học 2025-2026 gửi Sở GDĐT qua Phòng Công tác học sinh, sinh viên qua địa chỉ biểu mẫu <https://forms.gle/7AFsQJFVgKgKMYe68> (báo cáo sơ kết trước ngày 15/01/2026; báo cáo tổng kết kèm kết quả đánh giá mức độ chuyển đổi số đơn vị trước ngày 31/5/2026).

Trên đây là Kế hoạch Thực hiện nhiệm vụ Công nghệ thông tin, Chuyển đổi số năm học 2025-2026 của trường mầm non A Tân Thanh. Yêu cầu CBGVNV thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả./.

Nơi nhận:

- Phòng VHXH xã (để b/c);
- Ban đại diện CMT (để p/h)
- CBGVNV (để t/h);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Minh Lành

**PHỤ LỤC MỘT SỐ VĂN BẢN
VỀ TRIỂN KHAI ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN,
CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ THỐNG KÊ GIÁO DỤC**

(Kèm theo công văn số /SGDDĐT-CTHSSV ngày /10/2025 của Sở GDĐT)

1. Luật số 60/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội về Luật Dữ liệu.
2. Nghị định số 165/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu.
3. Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ về bảo vệ dữ liệu cá nhân.
4. Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.
5. Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.
6. Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.
7. Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030.
8. Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030".
9. Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.
10. Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030".
11. Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án "Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030".
12. Thông tư số 08/2010/TT-BGDĐT ngày 01/03/2010 quy định về sử dụng phần mềm tự do nguồn mở trong các cơ sở giáo dục.
13. Thông tư số 21/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 quy định ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động bồi dưỡng, tập huấn qua mạng Internet cho giáo viên, nhân viên và cán bộ quản lý giáo dục.

14. Thông tư số 37/2020/TT-BGDĐT ngày 05/10/2020 quy định về tổ chức hoạt động, sử dụng thư điện tử và cổng thông tin điện tử tại sở giáo dục và đào tạo, phòng giáo dục và đào tạo và các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

15. Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/03/2021 quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên.

16. Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 quy định về cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo.

17. Thông tư số 03/2024/TT-BGDĐT ngày 18/3/2024 ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành giáo dục.

18. Thông tư số 24/2023/TT-BGDĐT ngày 11/12/2023 quy định về đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp huyện, tỉnh.

19. Thông tư số 25/2023/TT-BGDĐT ngày 27/12/2023 ban hành quy định về đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã, huyện, tỉnh.

20. Thông tư số 25/2024/TT-BGDĐT ngày 25/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chế độ báo cáo thống kê ngành giáo dục.

21. Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 quy định Khung năng lực số cho người học.

22. Thông tư số 10/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục phổ thông; (Điều chỉnh thẩm quyền cho Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT).

23. Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực giáo dục (điều chỉnh thẩm quyền cho UBND xã các Thông tư 37/2020/TT-BGDĐT; 42/2021/TT-BGDĐT; 21/2017/TT-BGDĐT; 35/2017/TT-BGDĐT; 25/2024/TT-BGDĐT).

24. Thông tư số 15/2025/TT-BGDĐT ngày 24/7/2025 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Văn hóa - Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

25. Văn bản số 5807/BGDĐT-CNTT ngày 21/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Hướng dẫn triển khai mô hình ứng dụng công nghệ thông tin trong trường phổ thông.

26. Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

27. Quyết định số 3276/QĐ-BGDĐT ngày 30/10/2024 ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số trong giáo dục mầm non.

28. Quyết định số 3806/QĐ-BGDĐT ngày 29/11/2024 ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số Sở GDĐT, Phòng GDĐT.

29. Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”.

30. Quyết định số 1315/QĐ-TTg ngày 09/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai phong trào “Cả nước thi đua xây dựng xã hội học tập, đẩy mạnh học tập suốt đời giai đoạn 2023-2030”.

31. Quyết định số 1638/QĐ-BGDĐT ngày 18/6/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình phổ cập kỹ năng số dành cho Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan nhà nước; Người lao động trong các doanh nghiệp; Người dân.

32. Quyết định số 1645/QĐ-BGDĐT ngày 20/6/2025 ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung và Danh mục dữ liệu mở của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

33. Văn bản số 3456/BGDĐT-GDPT ngày 27/6/2025 của Bộ GDĐT hướng dẫn triển khai thực hiện khung năng lực số cho học sinh phổ thông và học viên giáo dục thường xuyên.

34. Quyết định số 2207/QĐ-BGDĐT ngày 01/8/2025 ban hành Quy định kỹ thuật về dữ liệu tuyển sinh đầu cấp giáo dục phổ thông.

35. Văn bản số 5835/BGDĐT-KHCNTT ngày 23/9/2025 của Bộ GDĐT hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, CDS, thống kê giáo dục năm học 2025 – 2026.

36. Kế hoạch số 15-KH/TU ngày 28/8/2025 của Tỉnh ủy Ninh Bình thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

37. Kế hoạch số 03-KH/BCĐ ngày 09/9/2025 của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số Tỉnh ủy Ninh Bình triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

38. Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 09/7/2025 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Phong trào thi đua “Cả nước thi đua đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số” trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

39. Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 31/7/2025 của UBND tỉnh về việc chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình năm 2025.

40. Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 12/9/2025 của UBND tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 15-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

41. Kế hoạch 05/KH-SGDĐT ngày 24/7/2025 của Sở GDĐT về việc hưởng ứng, triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” ngành Giáo dục.

42. Kế hoạch 27/KH-SGDĐT ngày 19/9/2025 của Sở GDĐT về việc chuyển đổi số ngành giáo dục và đào tạo năm 2025.
